

Dự báo kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025

Võ Thị Nhật Minh

Trưởng phòng, Phân tích chiến lược TT
 minh.vtn@hsc.com.vn
 +84 28 3823 3299 Ext. 365

- HSX sẽ công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025 vào ngày 20/1/2025 và ngày có hiệu lực là 3/2/2025. HSC dự báo LPB có thể được thêm vào trong khi POW có thể bị loại ra khỏi giỏ chỉ số VN30 trong đợt review này.
- Các quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở, các quỹ này sẽ cần mua vào khoảng 17,7 triệu cổ phiếu LPB và bán ra tất cả 2,6 triệu cổ phiếu POW hiện có trong danh mục. Các quỹ ETF cũng có thể mua vào đáng kể cổ phiếu HDB trong khi bán ra cổ phiếu VPB.

Thêm vào một cổ phiếu và loại ra một cổ phiếu trong đợt review nửa đầu năm 2025

Trong đợt review này, HSC nhận thấy giá trị vốn hóa thị trường của LPB tăng mạnh lên 6,5 nghìn tỷ đồng, đồng nghĩa với việc LPB hiện đang nằm trong top 20 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường. Tỷ lệ free float và thanh khoản của LPB cũng đáp ứng tất cả các tiêu chí của VN30, do đó cổ phiếu này được ưu tiên thêm vào giỏ chỉ số trong đợt review này.

POW hiện có vốn hóa thấp nhất trong VN30, vì vậy khi LPB được thêm vào, POW có thể bị loại khỏi giỏ để đảm bảo số lượng 30 cổ phiếu trong danh mục.

DGC, EIB, PNJ, KDH và MSB là 5 cổ phiếu dự phòng

Năm cổ phiếu bao gồm DGC, EIB, KDH, PNJ và MSB có vốn hóa thị trường đủ lớn để nằm trong danh sách cổ phiếu dự phòng trong đợt review này.

Cổ phiếu dự phòng có thể được thêm vào giỏ chỉ số VN30 nếu bất kỳ cổ phiếu nào hiện có trong giỏ bị kiểm soát, bị đình chỉ giao dịch hoặc có tỷ lệ free float dưới 10% và vốn hóa free float dưới 2.000 tỷ đồng.

Các quỹ ETF có thể bán nhiều hơn mua trong đợt tái cơ cấu danh mục này

Trong đợt tái cơ cấu danh mục này, 4 quỹ ETF sẽ cần mua vào khoảng 17 triệu cổ phiếu LPB và bán toàn bộ 2,6 triệu cổ phiếu POW. Bên cạnh đó, hầu hết các cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30 (27 cổ phiếu) cũng có thể bị bán ra nhưng khối lượng bán ra không đáng kể. Trong khi đó, các quỹ ETF có thể mua vào cổ phiếu HDB và SAB.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/1.

Bảng 1: Tiêu chí của chỉ số VN30 Index

Tiêu chí	Cổ phiếu mới (thêm vào)	Cổ phiếu hiện tại (loại ra)
Tình trạng	Không trong diện bị cảnh báo	Không trong diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX đối với top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn	
Tỷ lệ Free float	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	$< 10\%$ & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng	$< 10\%$ & vốn hóa_free float > 2.000 tỷ đồng
Tỷ suất quay vòng	$\geq 0.05\%$	$\geq 0.04\%$
Giá trị giao dịch khớp lệnh	≥ 10 tỷ đồng	≥ 9 tỷ đồng
Vốn hóa	Ưu tiên cổ phiếu có vốn hóa lớn	Ưu tiên cổ phiếu có vốn hóa lớn
Kỳ tái cơ cấu	Nửa năm (tháng 2, tháng 7)	

Nguồn: HSX, HSC

Dự báo kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025

HSX sẽ công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2025 vào ngày 20/1/2025. Ngày có hiệu lực là 3/2/2025. Dựa trên các tiêu chí và dữ liệu của VN30 tính đến ngày 31/12/2024, HSC dự báo như sau.

LPB được thêm vào và POW bị loại ra

Theo dữ liệu tính đến ngày 31/12, chúng tôi nhận thấy vốn hóa thị trường của LPB hiện đang nằm trong top 20 cổ phiếu cho giá trị vốn hóa lớn nhất trong danh sách cổ phiếu VN30. Với tỷ lệ free float khoảng 90%, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân 12 tháng là 81 tỷ đồng/ngày, LPB đáp ứng tất cả các tiêu chí của VN30 để được thêm vào giỏ chỉ số. HSC ước tính cổ phiếu LPB sẽ được thêm vào với tỷ trọng khoảng 5,8%.

Các cổ phiếu hiện có vẫn đáp ứng các tiêu chí về thanh khoản, tỷ lệ free float và vốn hóa free float để được giữ lại trong giỏ chỉ số VN30, tuy nhiên, nếu LPB được thêm vào, cổ phiếu có vốn hóa thị trường thấp nhất trong VN30 sẽ bị loại bỏ để đảm bảo số lượng 30 cổ phiếu trong danh mục. Hiện tại, POW – với vốn hóa thị trường thấp nhất (29 nghìn tỷ đồng) – đang đối mặt với việc bị loại khỏi giỏ chỉ số VN30 trong đợt review này. Tỷ trọng hiện tại của POW trong giỏ chỉ số là khoảng 0,4%.

Vốn hóa thị trường của các cổ phiếu hiện có trong VN30 nằm trong khoảng từ 29 nghìn tỷ đồng đến 508 nghìn tỷ đồng. Tổng vốn hóa thị trường của giỏ chỉ số VN30 chiếm khoảng 70% tổng vốn hóa thị trường hiện tại của HSX.

HSC ước tính 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong VN30 sẽ là FPT (10,0%), TCB (7,9%), ACB (7,2%), HPG (6,5%) và LPB (5,8%), chiếm 37,6% tổng tỷ trọng của giỏ chỉ số VN30.

Cổ phiếu tài chính chiếm khoảng 51,2% tổng tỷ trọng danh mục VN30, gồm 13 ngân hàng, 1 công ty chứng khoán (CTCP Chứng khoán Sài Gòn – SSI) và 1 công ty bảo hiểm (Bảo Việt Holdings – BVH).

HSC dự báo 5 cổ phiếu dự phòng trong đợt review này sẽ là DGC, EIB, PNJ, KDH và MSB; với vốn hóa thị trường bình quân lần lượt khoảng 43,1 nghìn tỷ đồng, 33,1 nghìn tỷ đồng, 31,9 nghìn tỷ đồng, 30,5 nghìn tỷ đồng và 29,5 nghìn tỷ đồng. Đây là những ứng viên có khả năng cao nhất được thêm vào giỏ chỉ số trong đợt review tháng 7/2025 nếu vốn hóa thị trường của những cổ phiếu này tăng đủ để lọt vào Top 20 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất, hoặc nếu bất kỳ cổ phiếu nào trong giỏ VN30 hiện tại bị loại ra.

Hiện tại, các quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF đang sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở. Tổng tài sản mà các quỹ này quản lý hiện lần lượt là 270 triệu USD, 6,9 triệu USD, 28,0 triệu USD và 71,3 triệu USD. Với dự báo LPB có thể được thêm vào và POW có thể bị loại ra trong đợt review này, các quỹ ETF có thể cần mua vào 17,7 triệu cổ phiếu LPB và bán ra toàn bộ 2,6 triệu cổ phiếu POW trong danh mục của mình. Ngoài ra, chúng tôi dự báo các quỹ ETF có thể bán ra nhiều hơn là mua vào các cổ phiếu khác để tái cơ cấu danh mục trong đợt review này. Ngày cuối để hoàn thành cơ cấu danh mục là ngày 24/1 và ngày có hiệu lực sẽ là ngày 3/2/2025.

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc đợt cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng, cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review chỉ số bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 7/2025.

Dòng vốn quỹ ETF – Năm 2024, quỹ ETF lớn nhất lấy chỉ số VN30 làm cơ sở – DCVFM VN30 ETF – đã bị rút ròng mạnh tổng cộng 86,9 triệu USD. Quỹ này thu hút vốn không đáng kể 1 triệu USD vào tháng 1, 12 triệu USD vào tháng 7 và 0,6 triệu USD vào tháng 10 và bị rút vốn vào những tháng còn lại trong năm 2024.

Bảng 2: Dự báo các cổ phiếu thành phần mới của giỏ chỉ số VN30 trong 6 tháng đầu năm 2025

Có thể thêm vào LPB và loại ra POW

STT	Mã CK	Doanh nghiệp	Giá CP	Số lượng CP đang lưu hành	Tỷ trọng mới (%)
1	FPT	FPT Corp	152,500	1,471,069,183	10.0%
2	TCB	Techcombank	24,650	7,064,851,739	7.9%
3	ACB	Asia Commercial Bank	25,800	4,466,657,912	7.3%
4	HPG	Hoa Phat Group	26,650	6,396,250,200	6.6%
5	LPB	LienVietPostBank	31,250	2,987,295,973	5.9%
6	VPB	VPBank	19,200	7,933,923,601	5.9%
7	MBB	MBBank	25,100	5,306,324,052	5.1%
8	MWG	Mobile World Investment	61,000	1,461,484,209	5.0%
9	STB	Sacombank	36,900	1,885,215,716	4.9%
10	HDB	HDBank	25,500	3,495,060,732	4.7%
11	VHM	Vinhomes	40,000	4,107,412,004	4.0%
12	VCB	Vietcombank	91,200	5,589,091,262	3.9%
13	VNM	Vinamilk	63,400	2,089,955,445	3.7%
14	VIC	VinGroup	40,550	3,823,661,561	3.3%
15	MSN	Masan Group	70,000	1,438,351,617	3.2%
16	SSI	SSI Securities	26,050	1,961,872,450	2.5%
17	SHB	SH Bank	10,250	3,662,412,356	2.2%
18	SSB	SeABank	16,750	2,835,000,000	2.2%
19	CTG	VietinBank	37,800	5,369,991,748	2.1%
20	VJC	Vietjet Air	100,000	541,611,334	2.1%
21	VIB	VIBBank	19,700	2,979,127,815	2.1%
22	TPB	TPBank	16,650	2,641,956,196	1.5%
23	VRE	Vincom Retail	17,150	2,272,318,410	1.1%
24	BID	BIDV	37,550	6,897,515,268	0.7%
25	GAS	PetroVietnam Gas	68,100	2,342,672,919	0.6%
26	SAB	SABECO	55,500	1,282,562,372	0.5%
27	GVR	Viet Nam Rubber Group	30,350	4,000,000,000	0.3%
28	PLX	Petrolimex	37,500	1,270,592,235	0.3%
29	BVH	Bao Viet Group	50,700	742,322,764	0.3%
30	BCM	Becamex IDC Corp.	70,900	1,035,000,000	0.2%
				Tổng cộng	100%

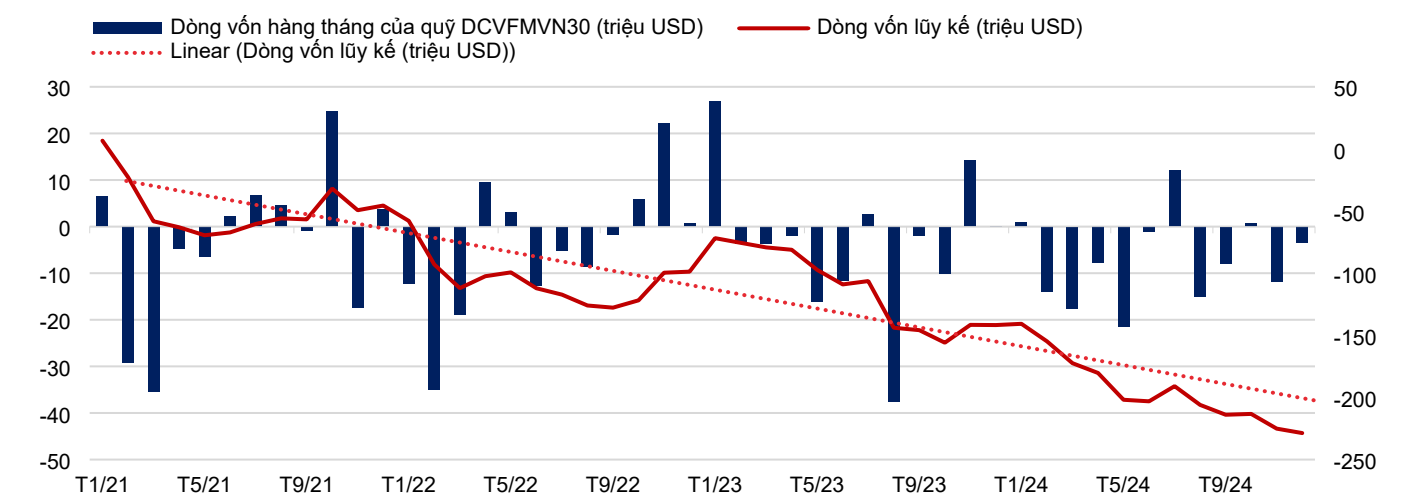
Nguồn: HSC dự báo

Bảng 3: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của các quỹ ETF (DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFMVN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF)

Các quỹ ETF có thể mua vào 17,7 triệu cổ phiếu LPB và bán ra 2,6 triệu cổ phiếu POW

No.	Ticker	New weighting (%)	+/- shares from DCVFMVN30 ETF	+/- shares from SSIAM VN30 ETF	+/- shares from MAFMVN30 ETF	+/- shares from KIM Growth VN30 ETF	Expected buying/selling from 4 ETFs
1	LPB	5.9%	12,740,007	323,861	1,317,898	3,354,448	17,736,214
2	HDB	4.7%	578,369	(3,523)	(33,563)	362,031	903,314
3	SAB	0.5%	95,116	6,760	31,294	(23,141)	110,030
4	BVH	0.3%	57,939	(1,243)	(5,059)	(111,337)	(59,700)
5	VNM	3.7%	(86,362)	(2,195)	(21,087)	44,750	(64,893)
6	PLX	0.3%	6,220	5,207	(31,110)	(45,905)	(65,587)
7	MSN	3.2%	(115,350)	5,920	17,086	10,379	(81,964)
8	GAS	0.6%	(21,643)	3,747	(24,867)	(52,822)	(95,586)
9	VJC	2.1%	(44,237)	4,900	(29,092)	(29,476)	(97,904)
10	GVR	0.3%	(111,924)	9,065	(13,886)	(98)	(116,843)
11	VIC	3.3%	(24,707)	4,466	(7,738)	(155,992)	(183,971)
12	BID	0.7%	(189,306)	2,522	4,667	(68,836)	(250,953)
13	BCM	0.2%	(90,331)	(5,210)	(19,224)	(144,485)	(259,249)
14	VCB	3.9%	(286,677)	1,961	(5,847)	(34,430)	(324,993)
15	CTG	2.1%	(320,997)	4,135	(12,822)	(13,771)	(343,455)
16	VRE	1.1%	(312,351)	(3,926)	(3,722)	(51,055)	(371,054)
17	SSI	2.5%	(250,598)	(9,674)	(25,923)	(107,046)	(393,241)
18	MWG	5.0%	(254,029)	(3,354)	(35,464)	(139,953)	(432,801)
19	VIB	2.1%	(262,659)	(5,803)	(52,060)	(159,658)	(480,181)
20	STB	4.9%	(388,537)	385	(43,989)	(58,818)	(490,958)
21	MBB	5.1%	(522,131)	(9,158)	(76,337)	75,612	(532,014)
22	ACB	7.3%	(608,239)	(10,125)	(38,485)	102,440	(554,409)
23	FPT	10.0%	(355,208)	(10,723)	(50,524)	(192,898)	(609,352)
24	TPB	1.5%	(409,908)	(5,251)	(67,644)	(150,760)	(633,564)
25	TCB	7.9%	(627,042)	(13,147)	(79,073)	(13,215)	(732,476)
26	SSB	2.2%	(565,663)	(5,131)	(58,515)	(106,364)	(735,673)
27	HPG	6.6%	(708,800)	(8,976)	(62,809)	(6,001)	(786,586)
28	SHB	2.2%	(574,452)	(6,207)	(114,093)	(99,072)	(793,824)
29	VHM	4.0%	(737,663)	(12,297)	(83,313)	(7,028)	(840,301)
30	VPB	5.9%	(940,723)	(20,328)	(86,369)	(126,979)	(1,174,400)
	POW	0.0%	(2,313,475)	(51,638)	(233,482)	(51,055)	(2,649,651)
		100.0%					

Nguồn: HSC ước tính

Bảng 4: Dòng vốn hàng tháng của quỹ DCVFMVN30 (triệu USD)

Nguồn: Bloomberg, HSC

Bảng 5: Thay đổi giá của các cổ phiếu thành phần thuộc VN30 (%)

STT	Mã CK	Doanh nghiệp	Thị giá (đồng)	Giá trị giao dịch bình quân 3 tháng (tỷ đồng)	% thay đổi giá trong 3 tháng	% thay đổi giá tính từ đầu năm	Giá thấp nhất trong vòng 1 năm (đồng)	Giá cao nhất trong vòng 1 năm (đồng)
1	ACB	Asia Commercial Bank	25,800	227.8	0.2%	28.5%	21,000	26,250
2	BCM	Becamex IDC Corp.	70,900	17.8	2.5%	14.4%	49,743	72,201
3	BID	BIDV	37,550	103.1	-8.6%	4.7%	35,742	44,956
4	BVH	Bao Viet Group	50,700	27.4	21.1%	31.4%	37,618	53,600
5	CTG	VietinBank	37,800	223.1	2.3%	39.5%	27,600	38,900
6	FPT	FPT Corp	152,500	678.6	14.2%	85.0%	81,219	152,500
7	GAS	PetroVietnam Gas	68,100	41.0	-7.0%	-0.9%	66,885	77,350
8	GVR	Viet Nam Rubber Group	30,350	80.6	-14.3%	44.5%	20,212	38,146
9	HDB	HDBank	25,500	289.5	8.5%	56.9%	16,008	26,650
10	HPG	Hoa Phat Group	26,650	546.9	1.1%	4.9%	24,637	29,600
11	MBB	MBBank	25,100	288.7	-2.3%	37.6%	18,736	25,900
12	MSN	Masan Group	70,000	527.8	-7.5%	4.5%	64,400	81,100
13	MWG	Mobile World Investment	61,000	518.6	-10.4%	43.7%	41,569	70,000
14	PLX	Petrolimex	37,500	36.3	-15.7%	12.9%	33,203	50,600
15	POW	PV Power	12,000	71.6	-8.4%	6.7%	10,450	15,300
16	SAB	SABECO	55,500	33.5	-0.5%	-3.4%	49,011	63,387
17	SHB	SH Bank	10,250	176.0	-6.8%	-0.9%	10,100	11,829
18	SSB	SeABank	16,750	124.4	-1.8%	-20.4%	15,050	20,907
19	SSI	SSI Securities	26,050	332.1	-6.6%	1.7%	23,109	30,564
20	STB	Sacombank	36,900	486.9	10.6%	32.0%	26,800	37,850
21	TCB	Techcombank	24,650	372.4	1.9%	59.9%	15,808	24,900
22	TPB	TPBank	16,650	252.3	-3.2%	18.0%	13,459	17,900
23	VCB	Vietcombank	91,200	141.7	-0.9%	13.6%	84,500	97,400
24	VHM	Vinhomes	40,000	572.8	-6.5%	-7.4%	34,500	48,250
25	VIB	VIBBank	19,700	320.9	2.1%	24.6%	16,218	20,420
26	VIC	VinGroup	40,550	156.4	-3.5%	-9.1%	40,000	48,500
27	VJC	Vietjet Air	100,000	139.7	-4.8%	-7.4%	99,200	118,800
28	VNM	Vinamilk	63,400	168.6	-8.9%	-0.9%	60,888	72,874
29	VPB	VPBank	19,200	433.3	-4.5%	5.3%	17,186	20,900
30	VRE	Vincom Retail	17,150	115.7	-10.2%	-26.4%	16,800	27,800

Nguồn: FiinPro, HSC

Bảng 6: Các cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam được đề cập trong báo cáo này

Mã CK	Ngành*	Thị giá (đồng)	Vốn hóa (triệu USD)	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (đồng)
FPT	Công nghệ thông tin	152,000	8,944	Add	160,800
HPG	Vật liệu	27,000	6,908	Buy	38,800
MWG	Hàng tiêu dùng & Bán lẻ	60,600	3,543	Buy	75,800
VNM	Thực phẩm, đồ uống	63,100	5,275	Add	77,100
MSN	Thực phẩm, đồ uống	70,800	4,073	Buy	97,200
VJC	Giao thông	99,900	2,164	Hold	105,000
GAS	Dịch vụ tiện ích	68,100	6,381	Buy	85,000
PLX	Năng lượng	38,150	1,939	Add	45,300
SAB	Thực phẩm, đồ uống	55,600	2,852	Add	69,600
GVR	Vật liệu	30,500	4,880	Not Rated	
BCM	BĐS	70,800	2,931	Not Rated	
SSI	Dịch vụ tài chính	25,950	2,036	Buy	29,500
TCB	Ngân hàng	24,350	6,881	Buy	31,100
BVH	Bảo hiểm	51,500	1,529	Add	58,200
ACB	Ngân hàng	25,600	4,574	Buy	34,700
VPB	Ngân hàng	19,150	6,077	Buy	23,000
VCB	Ngân hàng	91,900	20,545	Buy	112,900
MBB	Ngân hàng	25,200	5,349	Buy	32,600
STB	Ngân hàng	37,000	2,790	Buy	41,000
HDB	Ngân hàng	25,100	3,509	Buy	27,083
CTG	Ngân hàng	38,100	8,184	Buy	45,300
SSB	Ngân hàng	16,750	1,899	Not Rated	
SHB	Ngân hàng	10,250	1,502	Not Rated	
BID	Ngân hàng	38,200	10,539	Buy	45,207
TPB	Ngân hàng	16,550	1,749	Add	19,000
LPB	Ngân hàng	31,250	3,734	Sell	17,637
VIB	Ngân hàng	19,700	2,348	Add	22,100
VIC	BĐS	40,550	6,202	Hold	42,600
VHM	BĐS	40,000	6,572	Hold	44,600
VRE	BĐS	17,300	1,572	Add	21,800

Ghi chú: *theo phân loại của HSC
 Nguồn: HSC, Bloomberg

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn